SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Trần Phú

2. Địa chỉ: số 10, đường Trần Quang Diệu, Phường 10, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng

3. Loại hình: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

* *Sứ mạng:* Xây dựng môi trường học tập nền nếp, kỉ cương, chất lượng giáo dục cao; học sinh được giáo dục toàn diện, có cơ hội, điều kiện phát triển phẩm chất, năng lực và tư duy sáng tạo, tự tin hội nhập.

**Tầm nhìn*: Luôn hướng tới xây dựng trường THPT có chất lượng giáo dục tốt, uy tín của thành phố và của tỉnh nhà; là nơi mà học sinh luôn mong ước, lựa chọn để học tập và rèn luyện; là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên và được phát huy năng lực bản thân vì danh dự và truyền thống nhà trường, thích ứng với sự vận động phát triển không ngừng của đất nước và hội nhập quốc tế. Với phương châm hành động "*Chất lượng giáo dục là danh dự, uy tín và là thương hiệu của Nhà trường*".

**Mục tiêu:*

- Xây dựng môi trường làm việc, học tập chất lượng, dân chủ và thân thiện.

- Giáo dục học sinh có được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông. Biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học. Có ý thức tự giác, trung thực, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ. Được rèn luyện các kỹ năng sống, xây dựng phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng, nâng dần về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình GDPT 2018 ở khối lớp 10, 11 và 12.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường THPT Trần Phú

Trường THPT Trần Phú - Đà Lạt được thành lập theo Quyết định số 56/2001/QĐ-UB ngày 04/7/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng. Từ tháng 9/2001 đến tháng 5/2005 là trường cấp II-III, từ tháng 6/2005 trường có quyết định tách khối THCS ra khỏi trường THPT Trần Phú. Từ tháng 9/2001 đến 8/2011, trường tọa lạc tại số 20 - Hùng Vương. Từ tháng 9/2011 trường chuyển về địa điểm mới tại số 10, đường Trần Quang Diệu, phường 10, thành phố Đà Lạt.

Trường THPT Trần Phú - Đà Lạt là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được qui định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trong năm học 2023 – 2024, nhà trường có 1812 HS được phân thành 42 lớp, trong đó khối 10 có 12 lớp (566 HS), khối 11 có 15 lớp (650 HS), khối 12 có 15 lớp (596 HS). Tổng số CB, GV, NV toàn trường có 93 người, bao gồm 03 CBQL, 83 GV và 07 nhân viên, được biên chế thành 09 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

Đảng bộ Trường THPT Trần Phú được thành lập theo Quyết định số 632-QĐ/Th.U ngày 19/5/2014 của Ban thường vụ Thành ủy Đà Lạt, gồm 04 Chi bộ trực thuộc với 58 đảng viên (tỷ lệ 61,3%).

Năm 2022, Trường THPT Trần Phú đã được Sở GDĐT công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ III (theo Quyết định số 60/QĐ-SGDĐT ngày 24/1/2022 của Sở GDĐT Lâm Đồng), đồng thời Trường THPT Trần Phú được UBND Tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 (tại Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 27/1/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Cơ sở vật chất của nhà trường được trang bị khá đầy đủ và khang trang, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của thầy và trò.Với diện tích 10.949m^2, quy mô trường đến nay có 42 phòng học, 03 phòng thí nghiệm (Vật lý, Hóa học, Sinh học), 03 phòng thực hành Tin học, 01 phòng thư viện, 01 sân bóng đá mini và khu hiệu bộ có đủ các phòng làm việc cho các bộ phận.

Trải qua 23 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đạt được những thành tích đáng kể góp phần vào sự phát triển của ngành GD&ĐT Lâm Đồng. Đội ngũ GV đa số có tay nghề vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm cao với công việc. Chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì ổn định, hiệu quả đào tạo được nâng lên và đảm bảo thực chất, được thể hiện qua tỷ lệ HS lên lớp, tỷ lệ HS khá giỏi hằng năm; số lượng và chất lượng giáo dục mũi nhọn, tỷ lệ HS trúng tuyển vào các trường đại học tăng đều qua các năm. Nhà trường đã vinh dự hai lần được nhận Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm học 2020-2021, năm học 2022-2023), nhiều lần được tặng Bằng khen của UBND Tỉnh, Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT và nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật của trường THPT Trần Phú:

- Họ và tên: Vũ Thị Quế

- Chức vụ: Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Phú số 10, đường Trần Quang Diệu phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng.

- Số điện thoại: 02633.830.825

- Địa chỉ thư điện tử: c3tranphu.lamdong@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường THPT Trần Phú số 56/2001/QĐ-UB ngày 04/07/2001 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v thành lập Trường THPT Trần Phú.

b) Quyết định thành lập Hội đồng trường: Quyết định số 890/QĐ-SGDĐT ngày 25/10/2023 Về việc kiện toàn Hội đồng trường THPT Trần Phú, nhiệm kỳ 2020-2025.

DANH SÁCH

Các thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ, CHỨC DANH	GHI CHÚ
1	Bà Vũ Thị Quế	Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng	
2	Bà Huỳnh Thị Minh Chi	Phó Bí thư Đảng bộ, P.Hiệu trưởng	
3	Bà Trương Thị Ánh Hồng	Phó Hiệu trưởng	
4	Ông Nguyễn Thanh Thiện	Chủ tịch Công đoàn	
5	Ông Võ Hiệp Hoàng	Bí thư Đoàn trường	
6	Mời Ông Nguyễn Ngọc Khôi	Phó Chủ tịch UBND Phường 10	
7	Ông Nguyễn Văn Đồng	Trưởng ban Đại diện CMHS	
8	Bà Trần Thị Mỹ Hồng	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
9	Bà Vũ Thị Chu	Tổ trưởng Chuyên môn	
10	Bà Nguyễn Lê Hồng Uyên	Tổ trưởng Chuyên môn	
11	Bà Trà Thu	Tổ trưởng Chuyên môn	
12	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Tổ trưởng Chuyên môn	
13	Ông Trần Tuấn Khải	Tổ trưởng Chuyên môn	
14	Bà Nguyễn Thị Mơ	Tổ trưởng Chuyên môn	
15	HS Hoàng Nguyễn Tuấn Minh	Học sinh lớp 11A5	

c) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng:

- Quyết định số 1031/QĐ-SGDĐT ngày 22/11/2022 của Sở GDĐT Lâm Đồng V/v bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng cho bà Vũ Thị Quế

- Quyết định số 475/QĐ-SGD ĐT ngày 17/07/2001 của Sở GDĐT Lâm Đồng V/v bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng cho bà Huỳnh Thị Minh Chi

- Quyết định số 734/QĐ-SGD ĐT ngày 26/03/2024 của UBND Tỉnh Lâm Đồng V/v bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng cho cô Trương Thị Ánh Hồng

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng cán bộ quản lý: 03
- Số lượng giáo viên: 82 người

Trong đó: Toán: 13 GV; Tin: 06 GV; Vật lý: 11 GV; Hóa: 08 GV; Sinh học: 06 GV; Ngữ Văn: 10 GV; Lịch sử: 03 GV; Địa lý: 04 GV; GDCD: 02 GV; môn Tiếng Anh: 10GV; Giáo dục thể chất: 05 GV; GDQP&AN: 03GV.

- Số lượng nhân viên văn phòng: 08 (04 nhân viên và 04 hợp đồng công việc): Trong đó: Văn thư kiêm thủ quỹ: 01; Thư viện: 01; Kế toán: 01; Y tế: 01; Nhân viên phục vụ: 02; bảo vệ: 02.

- Tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100%

- Tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100%

III. Thông tin về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	42	
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	42	1,4m^2/học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	00	00
3	Phòng học tạm	00	00
4	Phòng học nhờ	00	00
5	Số phòng học bộ môn	06	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	00	00
7	Bình quân lớp/phòng học	01	01 phòng/lớp
8	Bình quân học sinh/lớp	1798	43,9 học sinh/lớp
III	**Số điểm trường**	00	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	10.949	6,08m^2/học sinh
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	5000	2,77m^2/học sinh
VI	**Tổng diện tích các phòng**	2.352	
1	Diện tích phòng học (m^2)	56	1,27m^2/học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	84	1,1m^2/học sinh
3	Diện tích thư viện (m^2)	100	0,057m^2/học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	00	00
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	24	0,014m^2/ học sinh
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	03	
1.1	Khối lớp 10	01	0,071 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11	01	0,083 bộ/lớp

1.3	Khối lớp 12	01	0,067 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	00
2.1	Khối lớp...	00	00
2.2	Khối lớp...	00	00
2.3	Khối lớp...	00	00
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	00	00
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	140	12,56 HS/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	39	1 thiết bị/lớp
2	**Cát - xét**	05	
3	**Laptop**	06	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	04	
5	**Máy Photo**	01	
6	**Loa di động**	01	
7	**Màn hình Led hội trường**	01	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	00
XI	**Nhà ăn**	00

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	00	00	00
XIII	**Khu nội trú**	00	00	00

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,14m^2/HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	**Có**	**Không**
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây kiên cố	X	

IV. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Đính kèm báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục năm 2024

V. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2023-2024:

STT	**Nội dung**	**Tổng số**	**Chia ra theo khối lớp**			
			Khối	**Khối**	**Khối**	**...**

			10	11	12	
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1775 (97.96%)	560 (98.9%)	637 (98.0%)	578 (97.0%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	37 (2.04%)	6 (1.1%)	13 (2.0%)	18 (3.0%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	**Số học sinh chia theo học lực**					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	922 (50.88%)	302 (53.4%)	350 (53.8%)	270 (45.3%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	809 (44.65%)	251 (44.3%)	272 (41.8%)	286 (48%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	81 (4.47%)	13 (2.3%)	28 (4.3%)	40 (6.7%)	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1812 (100%)	566 (100%)	650 (100%)	596 (100%)	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	921 (50.88%)	301 (53.18)	350 (53.8%)	270 (45.3%)	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	810 (44.65%)	252 (44.3%)	272 (41.8%)	286 (48.0%)	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	

STT	**Nội dung**	**Tổng số**	**Chia ra theo khối lớp**			
			Khối 10	**Khối 11**	**Khối 12**	
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	13 (0.72%)	9 (0.5%)	3 (0.16%)	2 (0.11%)	
	Chuyển đi (tỷ lệ so với tổng số)	19 (1.04%)	3 (0.16%)	9 (0.49%)	7 (0.38%)	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV 1	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi** Cấp tỉnh	61	0	13	48	
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	596			596	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	596			596	
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	747/1065	219/347	248/402	280/316	
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	27	11	10	6	

VI. Kết quả tài chính:

1. Dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2024

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng.

Số TT	**Nội dung**	**Dự toán được giao**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**14,331,358,000**
1	Chi quản lý hành chính	14,331,358,000

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13,989,358,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	342,000,000

2. Đánh giá thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**14,331,358,000**	**14,331,358,000**		
1	Chi quản lý hành chính	14,331,358,000	14,331,358,000		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13,989,358,000	13,989,358,000		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	342,000,000	342,000,000		

3. Quyết toán thu - chi nguồn nsnn, nguồn khác 6 tháng đầu năm 2024

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	***949,954,180***	***949,954,180***			
A	**Tổng số thu**	***949,954,180***	***949,954,180***	-	-	-
1	Số thu phí, lệ phí					
2	**Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ**	**949,954,180**	**949,954,180**	-	-	-
2.4	Tiền ôn thi TN	949,954,180	949,954,180			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7,554,851,461	7,554,851,461	7,140,000,522	414,850,939	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	26,998,000	26,998,000	26,998,000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

4.Quyết toán thu - chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2023

Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	*3,475,891,000*	*3,475,891,000*			
A	**Tổng số thu**	*3,475,891,000*	*3,475,891,000*	-	-	-

2	**Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ**	**3,475,891,000**	**3,475,891,000**	-	-	-
2.1	Thu tiền học phí	3,475,891,000	3,475,891,000			
2.2	Thu tiền kinh doanh gởi xe	156,522,000	156,522,000			
2.3	Thu tiền cho thuê căn tin	233,700,000	233,700,000			
2.4	Thu tiền ôn thi TN	832,896,000	832,896,000			
3	Thu sự nghiệp khác					
B	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**1,600,134,958**	**1,600,134,958**	-	-	-
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1,600,134,958	1,600,134,958	-		-
1.1	Chi tiền học phí	716,901,326	716,901,326			
1.2	Chi tiền kinh doanh gởi xe	118,298,800	118,298,800			
1.3	Chi tiền cho thuê căn tin	11,685,000	11,685,000			
1.3	Chi tiền ôn thi TN	753,249,832	753,249,832			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14,779,867,800	*14,779,867,800*	*14,227,312,642*	*552,555,158*	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	115,097,500	*115,097,500*	*115,097,500*		

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024:

1. Khái quát tình hình chung và công tác chỉ đạo điều hành triển khai nhiệm vụ năm học của đơn vị

a. Khái quát tình hình chung

- *Về quy mô trường, lớp:* Số lớp toàn trường: 42 lớp

+ Tổng số học sinh: Tính đến cuối năm học 2023-2024, toàn trường có 1812 học sinh (tăng 30 HS so với cuối năm học 2022-2023). Trong đó, khối 10 có 566HS/12 lớp; khối 11 có 650HS/15 lớp; khối 12 có 596 HS/15 lớp.

+ Tỉ lệ duy trì sĩ số: 99,7% (giảm 0,3% so đầu năm học 2023-2024), sĩ số có giảm so với đầu năm chủ yếu là do HS đi du học và chuyển trường).

- *Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên*

+ Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 93 người (giảm 01 GV so với học đầu năm học 2023-2024, do GV nghỉ hưu vào tháng 6/2024); Nữ: 74 người. Trong đó, CBQL có 3 người; GV có 82 người; NV có 8 người. Có 09 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

+ Trình độ chuyên môn: 100% cán bộ, giáo viên có trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn có 21 người (đạt tỷ lệ 22,6%; trong số đó 01 GV có trình độ Tiến sỹ). Hiện nay, nhà trường có 01 giáo viên đang học lớp cao học.

+ Tổng số Đảng viên: 57/92 đạt tỉ lệ 61,8%

b) Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, phối hợp và triển khai thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo đảm an toàn, đảm bảo chất lượng giáo dục, đảm bảo dạy và học theo kế hoạch, chương trình

- Nhà trường đã tăng cường tuyên truyền, quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của đảng, pháp luật của nhà nước, của ngành Giáo dục. Thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cấp về giáo dục và đào tạo như: Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 3899/BGDĐT-GDTrH ngày 03/8/2023 của Bộ GDĐT về hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Công văn số 1390/SGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2023 của Sở GDĐT Lâm Đồng về hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024... Dựa trên các văn bản, nhà trường đã xây dựng các kế hoạch hoạt động, kế hoạch giáo dục của nhà trường triển khai các thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2023-2024; chỉ đạo các bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học, đồng thời triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 lớp 10,11 (thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và Thông tư số 13/2023/TT-BGDĐT ngày 03/8/2023), hướng dẫn tại Công văn số 813/SGDĐT-GDTrH ngày 22/4/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học từ năm học 2022-2023 và thực hiện Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 12 (thực hiện theo theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006).

Tính đến thời điểm hiện tại, việc dạy và học của nhà trường cơ bản hoàn thành nhiệm vụ năm học 2023-2024 đúng kế hoạch, đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- Kết quả về chất lượng giáo dục toàn diện trong năm học 2023-2024: Đa số học sinh của trường chăm ngoan, có ý thức học tập cao; chấp hành tốt pháp luật và nội quy nhà trường; tham gia nhiệt tình sáng tạo các phong trào, hoạt động chung của nhà trường. Chất lượng về xếp loại học tập và hạnh kiểm học sinh toàn trường đảm bảo chất lượng, cụ thể:

+ Kết quả xếp loại Hạnh kiểm:

Đối với lớp 10,11: Tốt: 1197HS (98,4%); Khá: 19HS (1,6%); Đạt: 0HS (0%); Chưa đạt: 0HS (0%)

Đối với lớp 12: Tốt: 578HS (97,0%); Khá: 18HS (3,0%); TB: 0HS (0%); Yếu: 0HS (0%).

+ Kết quả xếp loại Học lực:

Đối với lớp 10,11: Tốt: 652HS (53,6%); Khá: 523HS (43,0%); Đạt: 41HS (3,4%); Chưa đạt: 0 (0%).

Đối với lớp 12: Giỏi: 270HS (45,3%); Khá: 286HS (48,0%); TB: 81HS (4,47%); Yếu: 0HS (0%).

- Trong năm học 2023-2024, nhà trường đã có những kết quả nổi bật về chất lượng giáo dục mũi nhọn, học sinh dự thi Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh đạt 61 giải, tăng 20 giải so với năm học trước, trong đó có 01 giải Nhất, 10 giải Nhì, 14 giải Ba, 36 giải KK. Học sinh dự thi Vô địch tin học văn phòng thế giới (MOS) đạt 12 giải cấp tỉnh đạt, 4 giải cấp khu vực và 03 giải cấp Quốc gia. Học sinh đạt 01 giải Tư trong cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp tỉnh; đạt 02 giải Khuyến khích cấp tỉnh cuộc thi "Học sinh với ý tưởng khởi nghiệp"; đạt 01 giải khuyến khích trong cuộc thi "Sáng tạo Thanh thiếu niên năm 2023" cấp Tỉnh.

2. Công tác rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

a. Thực hiện việc rà soát, quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Việc tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường theo yêu cầu tại Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 của Bộ GDĐT, bảo đảm nguyên tắc tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, các bộ phận thường xuyên rà soát, kiểm tra thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; từ đó có kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời từng bước đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

b. Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu, tầm nhìn, và chiến lược phát triển của nhà trường trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ viên chức của nhà

trường làm công tác KĐCL (năng lực bên trong); xây dựng kế hoạch KĐCL hằng năm của nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra; tập trung khắc phục những hạn chế, cải tiến chất lượng ở các tiêu chí chưa đạt, phát huy những tiêu chí đã làm tốt; chú trọng việc thu thập, sử dụng, quản lý minh chứng phục vụ cho công tác tự đánh giá.

3. Triển kkai thực hiện và hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên

a) Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ GDĐT về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023 - 2024 của ngành giáo dục và Công văn số 1653/SGDĐT-TCHC ngày 15/9/2023 của Sở GDĐT về việc ban hành lịch quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 nhà trường đã xây dựng Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (theo hướng dẫn tại Công văn số 1863/SGDĐT-GDTrH ngày 28/9/2018 của Sở GDĐT về việc tiếp tục thực hiện Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn số 2477/SGDĐT-GDTrH ngày 24/12/2020 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020; Công văn số 813/SGDĐT-GDTrH ngày 22/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học từ năm học 2022-2023).

- Đối với việc bố trí dạy học các môn học, hoạt động giáo dục: Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình của từng môn học, hoạt động giáo dục bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kì; phân công giáo viên đúng năng lực chuyên môn được đào tạo; việc sắp xếp thời khóa biểu phù hợp cho từng hoạt động giáo dục, từng học kỳ, cả năm học và bảo đảm số tiết/tuần theo quy định dành cho mỗi giáo viên.

b) Triển khai Chương trình giáo dục

- Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006: Thực hiện dạy học Khối 12 theo hướng dẫn tại Công văn số 1515/SGDĐT-GDTrH ngày 28/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học các môn

học cấp THCS và THPT (triển khai Công văn 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GDĐT).

- *Đối với Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018:* Tiếp tục chủ động thực hiện tốt việc triển khai Chương trình GDPT 2018 ở khối lớp 10,11 theo hướng dẫn tại Công văn số 284/SGDĐT-GDTrH ngày 22/02/2019 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT; hướng dẫn tại Công văn số 813/SGDĐT-GDTrH ngày 22/4/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học từ năm học 2022-2023 và quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành tại Thông tư số 13/2023/TT-BGDĐT.

+ Tổ chức dạy học 06 môn bắt buộc cho học sinh: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và an ninh. Tổ chức các hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Nội dung giáo dục địa phương. Tổ chức dạy học phân hoá đối với các môn học, chủ đề học tập học sinh được lựa chọn và cụm chuyên đề học tập lựa chọn; căn cứ vào tình hình đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị, nhà trường xây dựng 5 nhóm môn lựa chọn và cụm chuyên đề cho học sinh khối 10, khối 11,

c) Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh

- Tiếp tục triển khai Đề án về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 tại Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 5206/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện Đế án "giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025" trên bàn tỉnh Lâm Đồng. Trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về giáo dục hướng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường; xây dựng đội ngũ giáo viên kiêm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nhà trường tham gia giáo dục hướng nghiệp.

d) Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh trong nhà trường

- Triển khai thực hiện có hiệu quả việc dạy học môn ngoại ngữ trong Chương trình GDPT 2018. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường rèn luyện kỹ năng, phát triển khả năng giao tiếp; dạy học phân hoá trên cơ sở đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, cho đội ngũ GV tiếng Anh.

4. Bố trí, phân bổ ngân sách nhà nước và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí để chủ động sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng dạy học, bảo đảm thực hiện 100% các tiết thí nghiệm, thực hành; trang bị bổ sung cơ sở vật chất trong lớp học, khối hành chính. Cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, sử dụng bảo quản các phương tiện thiết bị của các phòng thực hành, phòng chức năng. Trong năm, nhà trường đã bổ sung, mua sắm, các vật dụng, hóa chất cho các phòng thực hành, thí nghiệm, trang bị 01 máy tính làm việc cho phòng Đoàn; sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo cho việc giảng dạy và tổ chức các hoạt động trong nhà trường như sửa sang, nâng cấp lại hệ thống bờ kè phía Hội người có công, hệ thống thoát nước mưa nhà xe học sinh, mương thoát nước sinh hoạt khối phòng học, một số hộp kỹ thuật bị thấm dột, thay mới một số tấm đan mương bị hỏng... Kịp thời sửa chữa nhỏ trong nhà trường để phục vụ các hoạt động giảng dạy.

- Thư viện nhà trường thường xuyên bổ sung, đáp ứng đầy đủ sách giáo khoa, sách tham khảo; đảm bảo phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh mượn và nghiên cứu sách, báo, các tài liệu tham khảo và đồ dùng dạy học.

- Nhà trường đã có cải tiến trong việc xây dựng cảnh quan môi trường: Ban lao động có kế hoạch cho học sinh lao động thường xuyên làm sạch khu phòng học, khuôn viên trường, thu gom và phân loại rác thải; triển khai phong trào xây dựng phòng học thân thiện nhằm xây dựng lớp học xanh - sạch - đẹp. Trường đã đạt giải Nhất trong Hội thi "xanh - sạch - đẹp" cấp thành phố.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục như sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử,... để nâng cao hiệu quả công tác quản lí giáo dục; thực hiện triển khai chứng thư số, nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lí, báo cáo. Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường (theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ GDĐT).

- Triển khai thực hiện hiệu quả phần mềm Misa trong quản lý thiết bị, quản lý tài chính. Các tổ chuyên môn, các bộ phận thường xuyên đưa tin về các hoạt động của tổ lên Website nhà trường; tăng cường tập huấn, thảo luận, khai thác dữ liệu, thông tin chuyên môn bằng hình thức trao đổi qua mạng...

6. Đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua

Nhận thức sâu sắc được ý nghĩa, tầm quan trọng của các phong trào thi đua, Trường THPT Trần Phú đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, viên chức chủ động, tích cực tham gia thực hiện các phong trào thi đua do ngành

và các cấp phát động. Trong nhà trường, các phong trào thi đua đã thực sự trở thành động lực, mục tiêu phấn đấu của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Từ các phong trào thi đua, hoạt động chuyên môn của nhà trường ngày càng sôi nổi, có chất lượng, tạo điều kiện, môi trường tốt cho việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của giáo viên và học sinh trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn của nhà trường./.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN PHÚ

Vũ Thị Quế